

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Chung;
2. Bà Đinh Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Ao B, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Ngụy Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Ao B, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Ngô Thị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Ngụy Văn T vào năm 2004, trước khi kết hôn

hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Kh (nay là xã Vĩnh A), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 27/9/2004; cưới xong vợ chồng về chung sống tại thôn Ao B, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế. Năm 2015 vợ chồng chỉ đều đi làm ăn xa, không chung sống cùng nhau nữa nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Toàn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Ngụy Phương Qu, sinh ngày 07/6/2005 và cháu Ngụy Phương Th, sinh ngày 01/7/2012. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng để anh T nuôi cả 02 con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Ngụy Văn T trình bày: Anh xác nhận chị Th trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời gian anh đi làm ăn ở nước ngoài, ít liên lạc được với gia đình, chị Th tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa, ít khi liên lạc với gia đình. Đến cuối năm 2019, anh về nhà nhưng vợ chồng cũng không nói chuyện với nhau, anh đã nhiều lần đề nghị chị Th quay về cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị Th vẫn không về. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay không ai quan tâm đến ai, chị Th chặn hết liên lạc với anh, chỉ lúc nào chị Th muốn nói chuyện với con thì mới gọi về chứ anh không gọi được cho chị Thuận.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Th trình bày là đúng. Hiện các cháu đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

3. Con của chị Th, anh T là cháu Ngụy Phương Qu và cháu Ngụy Phương Th trình bày: Các cháu không muốn bố mẹ ly hôn mà mong muốn bố mẹ đoàn tụ. Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là muốn được ở cùng bố.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Th và anh Ngụy Văn T; về con chung: Giao cháu Ngụy Phương Qu, sinh ngày 07/6/2005 và cháu Ngụy Phương Th, sinh ngày 01/7/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Ngụy Văn T. Anh T, chị Th đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Ao B, xã Vĩnh A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 – Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Th và anh Ngụy Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận tiến tới hôn nhân, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kh (nay là xã Vĩnh A), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang ngày 27/9/2004. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp.

Chị Th có nguyện vọng xin được ly hôn nhưng anh T không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị Th và anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng cả hai đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt,

không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị Th, anh T ly thân nhau đã lâu, cả hai đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th và anh T có 02 người con chung là cháu Ngụy Phương Qu, sinh ngày 07/6/2005 và cháu Ngụy Phương Th, sinh ngày 01/7/2012. Chị Th và anh T đều thống nhất ý kiến đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, Anh T đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, làm lao động tự do, có thu nhập, có chỗ ở ổn định nên đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các con đều ở cùng anh T, nguyện vọng của các cháu cũng mong muốn được ở cùng bố. Do vậy, Tòa án giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do anh T không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị Th yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 6, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Th và anh Ngụy Văn T.

2. Về con chung: Giao anh Ngụy Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Ngụy Phương Qu, sinh ngày 07/6/2005 và cháu Ngụy Phương Th, sinh ngày 01/7/2012.

Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở chị Th quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015329, ngày

07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động. Xác nhận chị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã Vĩnh A
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng